TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Lam và bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Y - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 566/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Khu phố C, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Kim Đ, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Khu phố G, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L trình bày:

Bà Lê Thị Hồng L và ông Nguyễn Kim Đ có tổ chức lễ cưới hỏi vào năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 21/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, TP . - T. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với gia đình vợ tại phường Đ, TP . - T. Sau 05 năm chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cải vã, chồng thường xuyên chơi bời bên ngoài bỏ mặc vợ mang thai con thứ hai, ông Đ có người phụ nữ khác ở bên ngoài, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con.

Hiện nay, vợ chồng không còn sống chung, ông Đ đã chuyển về ở với cha, mẹ ruột tại khu phố G, phường M, thành phố P - T từ tháng 12/2023 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng mạnh ai nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Kim Đ.

Về con chung: Bà L và ông Đ có 02 người con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/4/2016 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày: 09/4/2020. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Bà L đang làm tại Đ1, mức lương hiện nay khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 11/9/2023 bị đơn ông Nguyễn Kim Đ trình bày: Ông Đ và bà L kết hôn năm 2015, sau khi kết hôn vợ chồng về ở với nhà vợ tại khu phố C, phường Đ, thành phố P - T, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, vài tháng trở lại đây do vấn đề làm ăn không thuận lợi nên tinh thần ông không tốt. Nay bà L nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý vì ông thấy không có gì sai. Ông vẫn còn tình cảm với bà L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 người con chung: Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/4/2016 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày: 09/4/2020. Nếu Toà án buộc phải giải quyết ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi 02 con, ông không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông lái xe taxi cho Công ty TNHH một thành viên T, thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng. Ông sẽ bổ sung các giấy tờ để chứng minh thu nhập cho Toà án.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Kim Đ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"Ly*

hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở khu phố G, phường M, TP . - T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - T theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Lê Thị Hồng L và ông Nguyễn Kim Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Đ, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2016 ngày 21/3/2016, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Tuy nhiên, sau khi kết hôn đời sống vợ chồng của bà L, ông Đ không hạnh phúc, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cải vã, do bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống. Tình trạng mâu thuẫn giữa bà L và ông Đ được Ủy ban nhân dân phường Đ xác nhận ngày 30/01/2024. Ông Đ biết việc Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông Đ không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa Bà L1 và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.3] Về con chung: Bà L1 và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/4/2016 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày: 09/4/2020. Xét yêu cầu nuôi con của bà L1 và ông Đ, Hội đồng xét xử xét thấy, các con từ khi sinh ra đến nay ở với bà L1, được bà L1 chăm sóc, giáo dục chu đáo. Cháu Nguyễn Duy K con trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với bà L1. Bà L1 có công việc và thu nhập ổn định nên giao cháu K và cháu K1 cho bà L1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà L1 không có yêu cầu.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố P - T tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị Hồng L được ly hôn với ông Nguyễn Kim Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Hồng L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/4/2016 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày: 09/4/2020. Ông Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) Bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005710 ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận. Bà Lê Thị Hồng L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường Đài Sơn, TP. PR-TC (GKH số 21 ngày 21/3/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng